|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **KỲ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LỚP 12** BÀI THI:  **KHXH** Môn thi thành phần**: ĐỊA LÍ**  Thời gian làm bài: 50 phút |

|  |
| --- |
| **Mã đề** **211** |

 |

*Ghi chú: Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.*

**Câu 41:** Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

 **A.** thực hiện công nghiệp hoá ở nông thôn. **B.** chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.

 **C.** thanh niên nông thôn ra thành thị tìm việc làm. **D.** việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh Kiên Giang có trung tâm công nghiệp nào sau đây?

 **A.** Phan Thiết. **B.** Quy Nhơn. **C.** Rạch Giá. **D.** Long Xuyên.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết Biển Hồ nằm ở trên cao nguyên nào sau đây?

 **A.** Kon Tum. **B.** Pleiku. **C.** Đắk Lắk. **D.** Lâm Viên.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII thấp nhất?

 **A.** Thanh Hóa. **B.** Lạng Sơn. **C.** Cà Mau. **D.** Sa Pa.

**Câu 45:** Công nghiệp chế biến thủy sản ở nước ta phân bố chủ yếu ở

 **A.** vùng nhiên liệu. **B.** vùng nguyên liệu. **C.** trung du. **D.** miền núi

**Câu 46:** Biểu hiện của tình trạng mất cân bằng sinh thái ở nước ta là

 **A.** nguồn nước ô nhiễm. **B.** khoáng sản cạn kiệt.

 **C.** gia tăng các thiên tai. **D.** đất đai bị thoái hóa.

**Câu 47:** Cây rau đậu tập trung ở những vùng ven các thành phố lớn chủ yếu do

 **A.** có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển rau đậu.

 **B.** dân cư tập trung đông, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

 **C.** có ngành công nghiệp chế biến thực phẩm phát triển mạnh.

 **D.** chính sách hình thành vành đai rau xanh ven thành phố.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

 **A.** Hoàng Sa. **B.** Trường Sa. **C.** Cần Thơ. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 24 và 14 gặp nhau ở địa điểm nào sau đây?

 **A.** Pleiku. **B.** Gia Nghĩa. **C.** Kon Tum. **D.** Buôn Ma Thuột.

**Câu 50:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MÍA ĐƯỜNG CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ PHI-LIP-PIN,

GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| In-đô-nê-xi-a | 24980,0 | 28806,4 | 31734,2 | 33479,6 |
| Phi-lip-pin | 22654,0 | 27599,8 | 23297,8 | 22615,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng mía đường năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin?

 **A.** In-đô-nê-xi-a giảm, Phi-lip-pin tăng. **B.** In-đô-nê-xi-a tăng, Phi-lip-pin giảm.

 **C.** In-đô-nê-xi-a tăng, Phi-lip-pin tăng. **D.** In-đô-nê-xi-a giảm, Phi-lip-pin giảm.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết kênh Vĩnh Tế nối Hà Tiên với điểm nào sau đây?

 **A.** Long Xuyên. **B.** Ngã Bảy. **C.** Châu Đốc. **D.** Cao Lãnh.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

 **A.** Vĩnh Phúc. **B.** Lạng Sơn. **C.** Thái Nguyên. **D.** Bắc Kạn.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

 **A.** Gia Lai. **B.** Lâm Đồng. **C.** Đắk Lắk. **D.** Phú Yên.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết quốc lộ 8 đi qua địa phận tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 55:** Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÂY GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất khẩu, nhập khẩu năm 2021 so với năm 2015 của Bru-nây?

 **A.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu. **B.** Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu.

 **C.** Nhập khẩu tăng gấp hai lần xuất khẩu. **D.** Nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết cây cà phê được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

 **A.** Bình Phước. **B.** Bạc Liêu. **C.** Sóc Trăng. **D.** Cà Mau.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Đông Tác thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Bình Định. **B.** Khánh Hòa. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Phú Yên.

**Câu 58:** Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

 **A.** Cây lương thực. **B.** Cây thực phẩm.

 **C.** Cây công nghiệp lâu năm. **D.** Cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 59:** Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

 **A.** Bắc Ấn Độ Dương. **B.** cận chí tuyến bán cầu Bắc.

 **C.** cận chí tuyến bán cầu Nam. **D.** lạnh phương Bắc.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Nhật Lệ?

 **A.** Thuận An. **B.** Cửa Lò. **C.** Vũng Áng. **D.** Cửa Gianh.

**Câu 61:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ trình độ đô thị hóa của nước ta còn thấp ?

 **A.** Địa giới các đô thị được mở rộng. **B.** Mức sống dân cư được cải thiện.

 **C.** Xuất hiện nhiều đô thị mới. **D.** Cơ sở hạ tầng còn lạc hậu.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy qua tỉnh Sơn La?

 **A.** Sông Gianh. **B.** Sông Kì Cùng. **C.** Sông Mã. **D.** Sông Đáy.

**Câu 63:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm trên đảo?

 **A.** Yên Tử. **B.** Tam Đảo. **C.** Bái Tử Long. **D.** Bát Tràng.

**Câu 64:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Nam Bộ?

 **A.** Nha Trang. **B.** Đồng Hới. **C.** Đà Lạt. **D.** Cần Thơ.

**Câu 65:** Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu là do

 **A.** vận chuyển trên các tuyến có chiều dài lớn. **B.** có các đội tàu vận chuyển hàng trọng tải lớn.

 **C.** chở được những hàng hóa nặng, cồng kềnh. **D.** có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.

**Câu 66:** Sự phân hóa lãnh thổ du lịch nước ta phụ thuộc vào các yếu tố nào sau đây ?

 **A.** Số lượng du khách đến tham quan. **B.** Vị trí địa lí và tài nguyên du lịch.

 **C.** Tiềm năng du lịch ở các vùng xa. **D.** Chất lượng đội ngũ trong ngành.

**Câu 67:** Hạn chế lớn nhất trong phát triển ngành nhiệt điện của nước ta là

 **A.** chi phí sản xuất rất cao và khó cạnh tranh.

 **B.** gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên.

 **C.** thị trường đang chuyển hướng sử dụng năng lượng mới.

 **D.** nhà máy nhiệt điện phân bố không đều, hao phí lớn.

**Câu 68:** Vùng đất của nước ta

 **A.** mở rộng đến hết nội thủy. **B.** thu hẹp theo chiều bắc - nam.

 **C.** lớn hơn vùng biển nhiều lần. **D.** có đường biên giới kéo dài.

**Câu 69:** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

 *( Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2018** | **2020** |
| Tổng  | 5142,7 | 6333,2 | 6870,7 | 7769,1 | 8497,2 |
| Khai thác | 2414,4 | 2920,4 | 3226,1 | 3606,3 | 3863,7 |
| Nuôi trồng | 2728,3 | 3412,8 | 3644,6 | 4162,8 | 4633,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

 Theo bảng số liệu, để thể hiện tổng sản lượng thuỷ sản, sản lượng khai thác và sản lượng nuôi trồng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Biểu đồ cột chồng. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ miền. **D.** Biểu đồ kết hợp.

**Câu 70:** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

 **B.** giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá.

 **C.** tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.

 **D.** giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.

**Câu 71:** Vùng núi Tây Bắc có mùa đông đến muộn và kết thúc sớm chủ yếu là do

 **A.** nhiều núi cao, Tín phong bán cầu Bắc, đặc điểm vị trí địa lí.

 **B.** đặc điểm vị trí địa lí, bức chắn địa hình, Tín phong bán cầu Bắc.

 **C.** tác động của gió mùa, đặc điểm vị trí địa lí, hướng núi chính.

 **D.** địa hình đồi núi cao, hướng núi chính, hoạt động của gió mùa.

**Câu 72:** Giải pháp quan trọng để giảm tình trạng nhập siêu ở nước ta là

 **A.** tăng cường hợp tác, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

 **B.** giảm nhập khẩu các nguyên liệu, tư liệu sản xuất.

 **C.** đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa.

 **D.** đẩy mạnh sản xuất, hạn chế nhập khẩu hàng hóa.

**Câu 73:** Biện pháp quan trọng nhất nhằm giảm thiểu tình trạng đốt rừng làm nương rẫy ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

 **A.** phát triển loại hình du lịch sinh thái. **B.** phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

 **C.** phát triển cây công nghiệp lâu năm. **D.** đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp ở vùng trung du của Bắc Trung Bộ là

 **A.** sử dụng hợp lí tài nguyên, tăng thu nhập, phát triển cơ sở kinh tế.

 **B.** giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

 **C.** tạo nguồn nông sản hàng hóa và phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu.

 **D.** góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả đầu tư.

**Câu 75:** Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch ở Đồng bằng Sông Hồng là

 **A.** lao động có trình độ, giao thông đồng bộ, tài nguyên phong phú.

 **B.** nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.

 **C.** địa hình đa dạng, khí hậu phân hóa theo mùa, nhiều di tích, lễ hội.

 **D.** vị trí địa lí thuận lợi, dân đông, nhiều đô thị, kinh tế phát triển.

**Câu 76:** Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều. **B.** Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.

 **C.** Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi. **D.** Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

**Câu 77:** Ý nghĩa lớn nhất của hoạt động xuất khẩu đối với phát triển kinh tế - xã hội nước ta là

 **A.** giảm chênh lệch phát triển nông thôn với đô thị. **B.** nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

 **C.** góp phần vào hoàn thiện cơ sở vật chất kĩ thuật. **D.** thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.

**Câu 78:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

 **A.** đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.

 **B.** tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.

 **C.** tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **D.** đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.

**Câu 79:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng?

 **A.** Lao động dồi dào ở nhiều lĩnh vực, có nhiều quốc gia đầu tư.

 **B.** Cơ sở vật chất kĩ thuật ngày càng được đầu tư phát triển tốt.

 **C.** Cơ sở hạ tầng ngày càng được hiện đại hoá, hoàn thiện hơn.

 **D.** Nguồn nguyên liệu nhiều loại, thị trường ngày càng mở rộng.

**Câu 80:** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 – 2020:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Cơ cấu diện tích và sản lượng cà phê.

 **B.** Chuyển dịch cơ cấu diện tích và sản lượng cà phê.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê.

 **D.** Quy mô diện tích và sản lượng cà phê.

-----------------------------------------------

----------- **Hết** ----------

*Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*

### Đáp án đề thi thử THPT 2023 môn địa Sở Hải Phòng lần 2

| **Câu** | **Đ/a** | **Câu** | **Đ/a** | **Câu** | **Đ/a** | **Câu** | **Đ/a** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41 | D | 51 | C | 61 | D | 71 | C |
| 42 | C | 52 | B | 62 | C | 72 | C |
| 43 | B | 53 | D | 63 | C | 73 | B |
| 44 | C | 54 | A | 64 | D | 74 | A |
| 45 | B | 55 | A | 65 | A | 75 | B |
| 46 | C | 56 | A | 66 | B | 76 | D |
| 47 | B | 57 | D | 67 | B | 77 | D |
| 48 | B | 58 | A | 68 | D | 78 | C |
| 49 | C | 59 | A | 69 | A | 79 | D |
| 50 | B | 60 | A | 70 | A | 80 | D |